TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẠ LONG** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2021/QĐST- DS	*Hạ Long, ngày 12 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2021, về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 200/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là ABBANK).

Địa chỉ: 170 H, phường Đ, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tuấn A1 và ông Lê Minh K; Địa chỉ: Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Quảng Ninh – Số 2, phố K1, thành H1, tỉnh Quảng Ninh là người đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 476/UQ-TGĐ.19 ngày 01/10/ 2020 của Ngân hàng TMCP A).

- *Bị đơn*: + Ông Phạm Quang H2, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 50, khu 5, phường H3, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Ngõ 9, ngách 1, tổ 60, khu 6, phường H3, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 9, khu 2, phường G, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Ngõ 9, ngách 1, tổ 60, khu 6, phường H3, thành phố H1, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tính đến ngày 02/4/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền là: 420.996.975 đồng (bốn trăm hai mươi

triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là: 416.610.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 4.374.644 đồng, nợ lãi quá hạn là: 12.331 đồng.

2.2 Kỳ hạn trả nợ và số tiền trả nợ:

- Chậm nhất ngày 26/5/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/6/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/7/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/8/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/9/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/10/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/11/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc

- Chậm nhất ngày 26/12/2021, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/01/2022, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/02/2022, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền nợ gốc.

- Chậm nhất ngày 26/3/2022, ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc còn lại, nợ lãi tính đến ngày 02/4/2021 và số tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 03/4/2021 theo mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 220/18/TD/X ngày 23/04/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông H2, bà T vi phạm một trong các phân kỳ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số 220/18/TC/X ngày 23/04/2018 là 01 ô tô nhãn hiệu NISSAN XTRAIL, số khung: RN3JBNT32JVD02557, số máy: QR25025645M, biển kiểm soát 14A-297.76 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050181 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 19/04/2018 cho ông Phạm Quang H2.

Trường hợp phát mãi tài sản bảo trên không đủ đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông H2 và bà T tại ABBANK, ABBANK yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiếp tục xác minh các tài sản của ông H2 và bà T để phát mãi tài sản cho đến khi ông H và bà T thanh toán hết nợ cho ABBANK.

2.3 Về án phí: Ông Phạm Quang H2 và bà Nguyễn Thị T phải liên đới chịu 10.419.939 đồng (Mười triệu, bốn trăm mười chín nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.885.000đ (Mười hai triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003092 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS thành phố Hạ Long;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Phạm Thị Cúc